

Số: 112/2022/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 22 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ
THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 219/2022/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Lù Văn X**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Bản N 2, xã H, huyện Điện Biên, tỉnh Đ.

Bị đơn: Chị **Lường Thị C** sinh năm 1987. Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Lù Văn X và chị Lường Thị C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lù Văn X và chị Lường Thị C thuận tình ly hôn.

2.2. Về con riêng, con chung:

Về con riêng: Anh Lù Văn X và chị Lường Thị C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con chung: Anh Lù Văn X và chị Lường Thị C có 01 con chung là Lường Thị K, sinh ngày 17/01/2007, chị C được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và có khả năng lao động, việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không có.

2.4. Về án phí:

Căn cứ Khoản 3, 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Anh X được miễn án phí DSST; chị C phải chịu 75.000đ án phí DSST, chị C chưa nộp án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ.
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên